



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC LOGISTICS THÔNG QUA VIỆC KẾT NỐI CƠ SỞ ĐÀO TẠO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP LOGISTICS

Nguyễn Minh Quang¹, Văn Công Vũ^{2*}

¹Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội

²Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng

Ngày nhận bài: 30/12/2019; Ngày chỉnh sửa: 26/02/2020; Ngày duyệt đăng: 28/02/2020

Tóm tắt

Hiện nay, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực Logistics đang được các trường đại học và doanh nghiệp đặc biệt quan tâm, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ngày càng sâu rộng. Để nhân lực Logistics cung ứng cho thị trường sức lao động đáp ứng đủ kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, việc tăng cường kết nối, hợp tác giữa trường đại học và các doanh nghiệp dịch vụ Logistics là yêu cầu cấp thiết đang được các cơ sở đào tạo nỗ lực thực hiện. Bài viết bàn sâu thêm về thực trạng nguồn nhân lực Logistics ở Việt Nam hiện nay và khẳng định tầm quan trọng của việc kết nối giữa trường đại học và các doanh nghiệp Logistics trong vấn đề đào tạo nguồn nhân lực. Từ đó, tác giả kiến nghị một số giải pháp mang tính định hướng trong việc tăng cường sự kết nối giữa sinh viên với các doanh nghiệp Logistics thông qua trường đại học.

Từ khóa: Doanh nghiệp, Logistics, nguồn nhân lực, sinh viên, trường đại học.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, nguồn nhân lực Logistics đang thiếu hụt trầm trọng. Giai đoạn 2017-2020, ngành Logistics Việt Nam cần thêm khoảng 20.000 lao động chất lượng cao, có trình độ chuyên môn, và dự báo đến năm 2030, số lượng người lao động mới cần thêm trong ngành Logistics lên tới 200.000 lao động trình độ cao, đáp ứng đủ các yêu cầu về kỹ năng, kiến thức chuyên môn và trình độ tiếng Anh [1]. Tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành dịch vụ Logistics, thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Nhân lực ngành Logistics thiếu

kiến thức toàn diện, trình độ ICT (công nghệ thông tin và truyền thông) còn hạn chế, chưa theo kịp tiến độ phát triển của Logistics thế giới. Trình độ tiếng Anh nghiệp vụ Logistics còn yếu, chỉ khoảng 4% nhân lực thông thạo tiếng Anh nghiệp vụ, 30% các doanh nghiệp phải đào tạo lại nhân viên [2]. Thực tế cho thấy, sự gắn kết giữa doanh nghiệp và các trường đại học chưa nhiều, chưa thiết thực và sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Do đó, công tác đào tạo nguồn nhân lực Logistics đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng là

vấn đề quan trọng mà các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp cần chú trọng quan tâm.

Hiện nay, có nhiều nghiên cứu của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước về vấn đề đào tạo nguồn nhân lực Logistics như: Capacity building for tourism and Logistics: Redefining the role of human resources (Nâng cao năng lực Du lịch và Logistics: Xác định lại vai trò của nguồn nhân lực) của Betty Aigbogho Arhelo (2017); Human resource management issues associated with the globalization of supply chain management and Logistics (Các vấn đề quản lý nguồn nhân lực gắn liền với quản trị chuỗi cung ứng và Logistics toàn cầu) của Timothy Kiessling, Michael Harvey (2014); Nghiên cứu về Đào tạo phát triển nguồn nhân lực Logistics Việt Nam của Trịnh Thị Thu Hương (2016), Nghiên cứu về Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ngành Logistics Việt Nam của Vũ Đình Chuẩn (2019),... Các công trình cho thấy những kết quả nghiên cứu nghiêm túc của các nhà khoa học về nguồn nhân lực Logistics và các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Logistics. Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào tập trung phân tích, nghiên cứu chuyên sâu về giải pháp kết nối trường đại học với các doanh nghiệp Logistics để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực này.

Doanh nghiệp và trường đại học phải hợp tác và liên kết với nhau trong đào tạo, có những chia sẻ, kết nối nhằm tìm ra tiếng nói chung, để sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng một cách hoàn hảo nhất yêu cầu của nhà tuyển dụng, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm nên hiệu quả của công tác đào tạo. Do đó, vấn đề kết nối sinh viên trong các trường đại học với các doanh nghiệp Logistics để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực Logistics là hết sức cần thiết.

Bài viết hướng đến đối tượng nghiên cứu là sinh viên ở các cơ sở đào tạo (trường đại học) đào tạo chuyên ngành Logistics ở Việt Nam hiện nay. Phân tích thực trạng vấn đề đào tạo nguồn nhân lực Logistics ở Việt Nam trong giai đoạn 2015-2020, từ đó đưa ra các giải pháp định hướng trong công tác kết nối giữa các trường đại học và các doanh nghiệp Logistics đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Để giải quyết vấn đề nghiên cứu, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích nguồn dữ liệu thứ cấp, từ đó đánh giá thực trạng vấn đề và đưa ra giải pháp tương ứng.

2. Tổng quan nghiên cứu về dịch vụ Logistics và các vấn đề liên quan

2.1. Logistics

Gần đây dịch vụ Logistics đang dần khẳng định vai trò quan trọng và đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế của nhiều quốc gia. Hiện nay trên thế giới, có thể nói có nhiều định nghĩa về Logistics.

Theo Hội đồng quản trị Logistics của Hoa Kỳ (Council of Logistics Management, 1991), Logistics là quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả về mặt chi phí quá trình lưu chuyển và dự trữ nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm cùng những thông tin liên quan từ điểm xuất phát của quá trình sản xuất đến nơi tiêu thụ cuối cùng nhằm mục đích thỏa mãn được yêu cầu của khách hàng [3].

Theo Liên Hợp Quốc, Logistics là hoạt động quản lý quá trình lưu chuyển nguyên vật liệu qua các khâu lưu kho, sản xuất ra sản phẩm cho tới tay người tiêu dùng theo yêu cầu của khách hàng.

Tại Việt Nam, trong kỳ họp thứ 7, Khóa XI, Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, ngày 14/6/2005 đã thông qua Luật Thương mại 2005, trong đó có quy định cụ thể khái niệm dịch vụ Logistics. Tại Điều 233, Mục 4, Chương VI của Luật Thương mại ngày 14/6/2005 quy định “*Dịch vụ Logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công đoạn bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi mã ký hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan tới hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao*” [4].

Logistics và quản trị chuỗi cung ứng (SCM) đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa. Nó giúp nhà sản xuất nắm bắt được kịp thời và chính xác các nhu cầu của khách hàng, thúc đẩy dòng lưu thông hàng hóa, dòng tiền và thông tin từ nhà cung cấp, nhà máy sản xuất, nhà vận tải, kho bãi qua các kênh phân phối sỉ, phân phối lẻ đến tay người tiêu dùng cuối cùng được thông suốt hơn. Đồng thời, thông qua dịch vụ Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, doanh nghiệp có thể giảm thiểu được một lượng lớn chi phí, thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu của doanh nghiệp [5].

2.2. Nguồn nhân lực Logistics

Lý thuyết về quản lý đã khẳng định con người là vốn quý; trong lĩnh vực Logistics cũng vậy, nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định sự thành bại của quá trình tổ chức - quản lý và vận hành của doanh nghiệp Logistics. Nguồn nhân lực là nguồn lực con người, có quan hệ chặt chẽ với dân số, là bộ phận quan trọng trong dân số, đóng vai trò tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Tùy theo cách tiếp cận, khái niệm nguồn nhân

lực có thể khác nhau, do đó, quy mô nguồn nhân lực cũng khác nhau. Với cách tiếp cận dựa vào khả năng lao động của con người: nguồn nhân lực là khả năng lao động của xã hội, toàn bộ những người có cơ thể phát triển bình thường có khả năng lao động [6]. Như vậy nguồn nhân lực Logistics là nguồn lực của con người, là khả năng lao động của xã hội trong lĩnh vực Logistic, là toàn bộ những người có cơ thể phát triển bình thường có khả năng tham gia lao động trong các doanh nghiệp Logistics.

Chất lượng nguồn nhân lực là tổng hợp những phẩm chất và sức mạnh của người lao động đang và sẵn sàng thể hiện chúng trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Nó bao gồm những yếu tố quan trọng như: thể lực, trí tuệ, đạo đức, năng lực, kỹ năng và thẩm mỹ của người lao động. Mỗi yếu tố này có vị trí, vai trò, tác dụng nhất định trong việc tạo nên chất lượng nguồn nhân lực, song chúng luôn liên hệ, tác động gắn bó với nhau, bổ sung cho nhau tạo nên sự phát triển toàn diện của nguồn nhân lực [7].

Nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Logistics là nguồn nhân lực phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường (yêu cầu của các doanh nghiệp Logistics trong và ngoài nước), đó là: *có kiến thức*: chuyên môn về Logistics, kinh tế, tin học, ngoại ngữ; *có kỹ năng*: kỹ thuật, tìm và tự tạo việc làm, làm việc an toàn, kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm; *có thái độ, tác phong làm việc tốt, có trách nhiệm với công việc*. Đặc biệt nhất là khả năng sáng tạo tìm ra các giải pháp phù hợp thích ứng với các tình huống mới, phức tạp của nghề nghiệp.

Nguồn nhân lực chất lượng cao có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của lĩnh vực Logistics. Đó là một trong những yếu tố quyết định sự thành công và là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động của lĩnh vực Logistics, tạo ra

năng suất lao động xã hội cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện để rút ngắn khoảng cách tụt hậu, phục vụ kết nối cung - cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện để lĩnh vực Logistics của nước ta hội nhập với quốc tế.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Phân tích tiềm năng phát triển dịch vụ Logistics ở Việt Nam

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nhiều tiềm năng và cơ hội để phát triển ngành dịch vụ Logistics cả trên đất liền, đường biển và đường hàng không. Là quốc gia trải dài theo trục Bắc - Nam, có đường biên giới trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây [8], thuận lợi phát triển dịch vụ Logistics trong khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, với lợi thế nằm trên trục giao lưu hàng hải, phía Đông tiếp giáp với Biển Đông, Việt Nam có các điều kiện thuận lợi để có thể trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa vận tải đường biển quốc tế.

Ngoài ra, Việt Nam hiện tại sở hữu một số tiềm năng lớn để phát triển dịch vụ Logistics như: hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, cảng hàng không, cảng biển, kho bãi, hạ tầng thương mại, trung tâm Logistics không ngừng được mở rộng với quy mô lớn và rộng khắp. Bên cạnh đó, các dịch vụ đi kèm đã và đang đáp ứng kịp thời những yêu cầu hết sức đa dạng của thị trường Logistics trong nước và khu vực. Các thủ tục, thời gian thông quan đối với hàng xuất khẩu cũng đã cải thiện đáng kể. Nhờ đó, trong thời gian gần đây, cùng với sự phát triển của các ngành nghề khác trong nền kinh tế Việt Nam, dịch vụ Logistics cũng đã có những bước phát triển vượt bậc với tiềm năng tăng trưởng lớn.

Tham gia thị trường Logistics Việt Nam, theo số liệu công bố trong Sách Trắng Logistics VLA 2018, nếu như năm 2016 số lượng doanh nghiệp dịch vụ Logistics tại Việt Nam là 22.366 thì đến năm 2018, con số này tương ứng khoảng 30.971 doanh nghiệp, tăng 30% [9]. Hiện nay, 30 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Logistics xuyên quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam với các tên tuổi lớn như: DHL, FedEx, Maersk Logistics, APL Logistics, CJ Logistics, KMTCL Logistics... [10].

Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam được phân thành 4 loại hình theo lĩnh vực kinh doanh.

Bảng 1. Phân loại doanh nghiệp dịch vụ Logistics theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Loại hình Doanh nghiệp
1	Doanh nghiệp khai thác vận tải: dịch vụ vận tải (đường bộ, đường biển, đường hàng không)
2	Doanh nghiệp khai thác cơ sở hạ tầng tại các điểm nút (cảng, sân bay, ga...)
3	Doanh nghiệp khai thác kho bãi bốc dỡ và dịch vụ Logistics
4	Doanh nghiệp giao nhận hàng hóa dịch vụ chuyển phát nhanh, đại lý vận tải, đại lý tàu biển, đại lý làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp 3PL và các doanh nghiệp khác như giải pháp phần mềm Logistics, tư vấn, giám định, kiểm tra tài chính

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo số liệu Báo cáo Logistics Việt Nam 2017 - Bộ Công Thương

Trong những năm gần đây, năng lực Logistics Việt Nam đang dần được cải thiện và đạt được nhiều kết quả khả quan. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới (World Bank) năm 2018, ngành Logistics Việt Nam hiện có tốc độ tăng trưởng 16%/năm và dự báo sẽ còn tiếp tục tăng trưởng trong các năm tới. Báo cáo LPI (Logistics Performance Index - chỉ số đánh giá kết quả hoạt động

Logistics) trong ấn phẩm “Kết nối để cạnh tranh” (Connecting to complete 2018) của World Bank năm 2018 xếp hạng của Việt Nam tăng 25 bậc lên 39/160. Theo đó, Việt Nam vượt lên ở vị trí 39 với điểm số LPI được cải thiện đáng kể là 3,27, cao nhất trong 6 lần xếp hạng, xếp thứ 3 trong khối ASEAN, sau Singapore vị trí 7 và Thái Lan vị trí 32. LPI tổng hợp trung bình của Việt Nam qua các năm từ các báo cáo của World Bank 2012, 2014, 2016, 2018 hiện đang đứng thứ 45/167 nước [11]. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), quy mô thị trường Logistics Việt Nam cũng không ngừng tăng cùng với tăng trưởng nhanh của kim ngạch xuất nhập khẩu trong nhiều năm qua, đạt khoảng 40-42 tỷ USD/năm. Năm 2019, dịch vụ Logistics của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, đạt 12-14%; tỷ lệ doanh nghiệp thuê ngoài dịch vụ Logistics đạt khoảng 60-70%, đóng góp khoảng 4-5% GDP. Chính phủ đặt mục tiêu đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp

của ngành dịch vụ Logistics vào GDP đạt 8-10%, tốc độ tăng trưởng dịch vụ đạt 15-20%, tỷ lệ thuê ngoài dịch vụ Logistics đạt 50-60%, chi phí Logistics giảm xuống [12].

3.2. Thực trạng nguồn nhân lực Logistics và sự cần thiết phải kết nối cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp Logistics

Theo số liệu từ Báo cáo Logistics Việt Nam 2018 của Bộ Công Thương, cả nước hiện có khoảng 30.971 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ Logistics, trong đó có khoảng 4.000 doanh nghiệp hoạt động vận chuyển hàng hóa nội địa và quốc tế, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hoạt động kinh doanh dịch vụ Logistics gồm nhiều loại hình dịch vụ, được phân chia ra theo các nhóm như: Xếp dỡ container; kho bãi; dịch vụ chuyển phát; vận tải hàng hóa; nhóm dịch vụ khác; phân tích và kiểm định...

Bảng 2. Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam theo quy mô

STT	QUY MÔ DOANH NGHIỆP (Người)	SỐ LƯỢNG (doanh nghiệp)	TỶ LỆ (%)
1	Dưới 5 người	12.025	38,83
2	Từ 5 - 9 người	8.400	27,12
3	Từ 10 - 49 người	8.781	28,35
4	Từ 50 - 199 người	1.385	4,47
5	Từ 200 - 299 người	152	0,49
6	Từ 300 - 499 người	114	0,37
7	Từ 500 - 999 người	74	0,24
8	Từ 1.000 - 4.999 người	32	0,1
9	Trên 5.000 người	8	0,03

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo số liệu Báo cáo Logistics Việt Nam 2018 - Bộ Công Thương

Hiện nay, với số lượng doanh nghiệp dịch vụ Logistics ở Việt Nam (theo quy mô) lớn như vậy, thì yêu cầu về nguồn nhân lực Logistics liên tục tăng qua các năm, thậm chí

nếu không đáp ứng kịp thời, nguồn nhân lực này có thể được đánh giá là đang thiếu trầm trọng. Tính đến năm 2018, số lượng doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam là 30.971

doanh nghiệp, theo bảng số liệu 2, có thể thấy ước tính quy mô nhân lực trung bình tại các doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam khoảng 20 người/doanh nghiệp. Mức tăng trưởng nhân lực bình quân tại các doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam khoảng 7,5%, thì nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics trong giai đoạn 2018-2030 (13 năm) sẽ là:

$$30.971 \times 20 \times (1 + 0,075) \times 13 = 1.585.971 \text{ người [9].}$$

Trong giai đoạn hiện nay, có thể nói nguồn nhân lực Logistics của Việt Nam không những thiếu về số lượng mà còn yếu về chất lượng, điều này rất không hợp lý với một ngành dịch vụ có quy mô lên đến hơn 40 tỷ USD/năm, tương đương 17-18% GDP của cả nước [13]. Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh về chất lượng nguồn nhân lực Logistics cho thấy, có đến 53,3% doanh nghiệp thiếu đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn và kiến thức về Logistics, 30% DN phải đào tạo lại nhân viên và chỉ có 6,7% doanh nghiệp hài lòng với chuyên môn của nhân viên. Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu và Phát triển kinh tế Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cũng ghi nhận, có tới 80,26% nhân viên trong các doanh nghiệp Logistics được đào tạo thông qua các công việc hàng ngày, 23,6% nhân viên tham gia các khóa đào tạo trong nước, 6,9% nhân viên được các chuyên gia nước ngoài đào tạo, chỉ có 3,9% được tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài [14].

Tuy nhiên, có thể thấy rằng, một trong những vấn đề còn tồn tại hiện nay là tuy thiếu nhân lực ngành Logistics song không ít doanh nghiệp sau khi tuyển dụng được lao động ở lĩnh vực này phải tốn thời gian và kinh phí rất lớn để tiến hành đào tạo lại. Nguyên nhân của vấn đề này là do nhiều trường hợp

không đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng sử dụng, vận hành máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ cho dịch vụ kinh doanh Logistics quốc tế và thương mại điện tử. Bên cạnh đó trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin cũng là một trong những lực cản, khiến nhân lực Logistics gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thao tác và giao tiếp với đồng nghiệp, đối tác nước ngoài. Sở dĩ thực trạng này đang tồn tại và rất phổ biến trong thời gian qua là do các kỹ năng mà lao động được đào tạo trong nhà trường chưa đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, quá trình đào tạo chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động; trang thiết bị được trang bị trong các cơ sở đào tạo chưa theo kịp được với sự thay đổi của máy móc, công nghệ hiện nay. Nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang có ảnh hưởng ngày càng sâu rộng, sự lên ngôi của những công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật... đòi hỏi máy móc, công nghệ của các doanh nghiệp phải có những cải tiến liên tục để tránh tình trạng lạc hậu, lỗi thời. Do đó, vấn đề đào tạo nhân lực Logistics có đủ trình độ đón đầu và đáp ứng yêu cầu của sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, lại càng trở nên khó khăn.

3.3. Thực trạng và những khó khăn trong công tác đào tạo nguồn nhân lực Logistics ở Việt Nam

Hiện nay, trên cả nước đã có 23 cơ sở đào tạo nghề Logistics và quản trị chuỗi cung ứng [15]. Nhiều trường đại học đào tạo nhân lực ngành Logistics cả hệ đại học chính quy, thạc sỹ và tiến sỹ, với chương trình đào tạo bài bản, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, một số trường có chương trình đào tạo chất lượng cao và liên kết nước ngoài, mang lại môi trường học thuật tiên tiến cho sinh viên.

Bảng 3. Một số trường đại học đào tạo ngành Logistics tiêu biểu ở Việt Nam

STT	TRƯỜNG	NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh	* Đại học chính quy: - Ngành Kinh tế vận tải (Transport Economic) - Ngành Khai thác vận tải (Transport Operation) chuyên ngành Quản trị Logistics và vận tải Đa phương thức * Đại học chính quy Chương trình chất lượng cao: - Ngành Kinh tế vận tải (Transport Economic) - Ngành Khai thác vận tải (Transport Operation) chuyên ngành Quản trị Logistics và vận tải Đa phương thức * Đại học chính quy Chương trình đào tạo nước ngoài: - Ngành Quản lý Cảng và Logistics - Trường Đại học Tongmyong (Hàn Quốc) - Chương trình đào tạo Logistics trình độ đại học tốt nhất hiện nay. Chương trình do Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh liên kết với Trường Đại học Tongmyong Hàn Quốc tổ chức đào tạo cấp bằng nước ngoài. Theo đó, sinh viên thuộc chương trình sẽ học theo hình thức 2 + 2, giai đoạn I học tại Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh 2 năm đầu, giai đoạn II được chuyển tiếp và học tập 2 năm cuối tại Trường Đại học Tongmyong Hàn Quốc.
2	Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	* Đại học chính quy: - Ngành Vận tải - Ngành Kinh tế vận tải - Ngành Quản trị kinh doanh - Ngành xây dựng công trình giao thông * Thạc sỹ: - Xây dựng Đường sắt - Xây dựng Đường ô tô và thành phố - Xây dựng Cầu - Hàm - Kỹ thuật hạ tầng đô thị - Quản trị kinh doanh - Tổ chức vận tải - Khai thác vận tải - Giao thông Vận tải * Đào tạo Tiến sỹ: - Tổ chức và quản lý vận tải - Khai thác vận tải
3	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	* Đại học chính quy: - Ngành Kinh doanh quốc tế - Ngành Kinh tế vận tải - Ngành Khoa học Hàng hải - Ngành Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa - Ngành Kỹ thuật tàu thủy - Ngành Kỹ thuật công trình biển * Chương trình chất lượng cao: - Ngành Kinh doanh quốc tế - Ngành Kinh tế vận tải * Chương trình tiên tiến: - Ngành Kinh doanh quốc tế - Ngành Kinh tế vận tải

STT	TRƯỜNG	NGÀNH ĐÀO TẠO
4	Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam	* Đại học chính quy: - Cử nhân Kinh doanh (Quản lý Chuỗi cung ứng và Logistics) - Cử nhân Kinh doanh (Kinh doanh Quốc tế) * Sau đại học: - Thạc sỹ Kinh doanh Quốc tế
5	Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh	* Đại học chính quy: - Ngành Quản lý Công nghiệp - Ngành Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp (Logistics và Quản lý chuỗi Cung ứng)
6	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	* Đại học chính quy: - Ngành Khai thác vận tải (Quản trị Logistics)
7	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	* Đại học chính quy: - Ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng và Logistics) - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử * Thạc sỹ và Tiến sỹ: - Quản trị kinh doanh

Nguồn: Tác giả tổng hợp, năm 2019

Tuy nhiên, phần lớn các trường đại học đào tạo chuyên sâu về lý thuyết, chưa có môi trường thực hành thực tế cho sinh viên ngành Logistics. Bên cạnh đó, có một bất cập lớn là mỗi trường đào tạo theo một chương trình riêng, dựa trên thế mạnh của các trường mà chưa xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của ngành Logistics.

Thực tế hiện nay cho thấy, sinh viên Logistics của nhiều cơ sở đào tạo dù có chuyên môn là ngành dịch vụ Logistics và chuỗi cung ứng song lại chưa biết đến phần mềm quản lý kho, chưa có kiến thức sâu về mã vạch. Nhiều trường hợp trong số đó còn ngỡ ngàng trong việc vận hành kho hàng ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại nhằm phục vụ thương mại điện tử hoặc khá lúng túng trong cách phân loại đóng gói hàng hóa cho đạt chuẩn. Ngoài ra, một số công việc đơn giản liên quan đến lĩnh vực Logistics như điều khiển xe nâng hàng, nếu trước đây người điều khiển không phải sử dụng các thiết bị điện tử thì hiện nay yêu cầu đòi hỏi

của doanh nghiệp đối với vị trí việc làm này cũng đã cao hơn rất nhiều. Bên cạnh đó, nhiều lao động ngành Logistics, nhất là với những sinh viên vừa tốt nghiệp vẫn thiếu các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, kỹ năng làm việc theo nhóm nên hiệu quả công việc không đạt được chất lượng như yêu cầu.

Qua sự phân tích trên, có thể thấy rằng việc sinh viên cần được trực tiếp tham gia vào một số quá trình hoạt động của các doanh nghiệp Logistics là hết sức cần thiết. Đây là xu hướng đào tạo tất yếu và phổ biến mà các cơ sở đào tạo nước ngoài đã áp dụng mà chúng ta cần đặc biệt quan tâm. Khi sinh viên được đi tham quan, thực hành tại doanh nghiệp và doanh nghiệp trực tiếp tham gia đánh giá các kỹ năng thực hành của sinh viên thì khi đó sẽ không còn khoảng cách giữa bên đào tạo và bên sử dụng lao động. Đồng thời, sinh viên sẽ không còn quá ngỡ ngàng, cũng như giảm thiểu tình trạng sốc về tâm lý trong môi trường doanh nghiệp và tác phong công nghiệp.

Khi có được sự kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp, sinh viên ngành Logistics được đi thực tế, tìm hiểu về các quy trình, máy móc, thiết bị liên quan đến lĩnh vực mình đang học. Cụ thể khi đến một doanh nghiệp liên quan đến kinh doanh, vận hành các kho hàng, sinh viên sẽ được tìm hiểu kỹ về quy trình chọn và xử lý đơn hàng trong kho, thực hành việc sử dụng các thiết bị chuyên dụng, thực hành cách phân loại, đóng gói và bảo quản hàng hóa... Tiếp xúc với các dây chuyền hoạt động, vận hành của doanh nghiệp Logistics, sinh viên sẽ được trang bị bổ sung những kỹ năng mềm như làm việc nhóm, khả năng nắm bắt tình hình, cách nhận diện và đối mặt với khó khăn... Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm cũng như nắm bắt được tinh thần, trách nhiệm mà các anh, chị nhân viên đang công tác tại các doanh nghiệp Logistics truyền đạt. Bên cạnh những kiến thức được trang bị trong nhà trường, khi đi thực tế tại doanh nghiệp, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về những khó khăn doanh nghiệp đang phải đối mặt, về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng khi thực hiện nhiệm vụ... Từ đó, mỗi sinh viên sẽ tích lũy thêm được nhiều kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng làm việc để sẵn sàng tìm kiếm công việc phù hợp với chuyên ngành trong tương lai.

Hiện nay, theo Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics Việt Nam, Ban Tư vấn đào tạo ngành Logistics - một mô hình do doanh nghiệp dẫn dắt được thành lập trong khuôn khổ chương trình Aus4Skills. Đây là chương trình hỗ trợ của Chính phủ Australia dành cho Việt Nam trong 5 năm, nhằm giúp Việt Nam tiếp cận và sử dụng nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng, góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội bền vững [16]. Đây cũng là ví dụ điển hình mối quan hệ hợp tác

giữa doanh nghiệp và các trường đào tạo nghề trong việc xây dựng bộ tiêu chuẩn nghề và kỹ năng nghề trong ngành Logistics. Vai trò của Ban tư vấn đào tạo ngành Logistics là hỗ trợ đảm bảo rằng tay nghề của các sinh viên tốt nghiệp phù hợp với nhu cầu của nhà tuyển dụng, giúp tăng năng suất và hiệu quả của ngành.

Bên cạnh đó, trên thực tế, ở một số trường đại học hiện nay đã và đang thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, theo đó những Trung tâm này có vai trò hết sức quan trọng trong việc hợp tác, kết nối giữa trường đại học và các doanh nghiệp trên địa bàn. Với mô hình này, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng là một ví dụ điển hình. Thời gian qua, Trung tâm đã hoàn thành tốt sứ mệnh của mình khi đóng vai trò là cầu nối giữa nhà trường với các doanh nghiệp đa ngành nói chung và các doanh nghiệp Logistics nói riêng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Qua đó, sinh viên được tiếp cận và hỗ trợ rất nhiều từ các doanh nghiệp, về kiến thức chuyên môn, các hoạt động ngoại khóa và đặc biệt là các học bổng giá trị... Nhiều sinh viên được tuyển dụng làm việc tại các doanh nghiệp khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Tuy nhiên, ở một số cơ sở đào tạo khác, những Trung tâm này được thành lập ra nhưng chưa phát huy tốt vai trò và hoạt động chưa thực sự hiệu quả.

3.4. Một số giải pháp nhằm tăng cường chất lượng đào tạo nguồn nhân lực Logistics Việt Nam trong thời gian tới

Để tăng cường việc kết nối sinh viên với các doanh nghiệp Logistics, tác giả đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng như sau:

Một là, cần nâng cao vị trí, vai trò của các Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trong các cơ sở đào tạo, đồng thời thành lập mới theo nhu cầu và khả năng của từng cơ sở.

Hai là, các trường đại học và doanh nghiệp Logistic cần có những cam kết trong việc đảm bảo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp nếu đáp ứng những yêu cầu được thể hiện chi tiết trong cam kết. Điều này sẽ giúp sinh viên có thêm động cơ học tập, nghiên cứu và có định hướng rõ ràng trong tương lai.

Ba là, thường xuyên có sự phối hợp trong việc xây dựng chương trình đào tạo giữa trường đại học và các doanh nghiệp Logistics, thông qua sự phối hợp này, chương trình đào tạo của trường sẽ luôn được bổ sung, cập nhật kịp thời. Việc xây dựng chương trình và phương pháp đào tạo gắn với thực tiễn là vô cùng cần thiết. Các trường đại học thiên về hoạt động nghiên cứu, tiếp cận xu hướng mới sẽ hỗ trợ chuẩn hóa các hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp Logistics với thế mạnh của mình về nhân sự chuyên nghiệp trong các nghiệp vụ cùng với cơ sở vật chất đầy đủ, thực tế sẽ tham gia đào tạo một phần hoặc toàn bộ trong một số học phần nghiệp vụ cho sinh viên. Cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cần bắt tay nhau trong việc phối hợp đánh giá chất lượng đầu ra của sinh viên tốt nghiệp.

Bốn là, đánh giá đúng vai trò của Ban tư vấn đào tạo ngành Logistics trong khuôn khổ chương trình Aus4Skills, thường xuyên tương tác để tranh thủ sự hỗ trợ của Ban tư vấn, như vậy, sinh viên Logistics sẽ có những chuyển biến tích cực về trình độ cũng như về tư tưởng ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Năm là, hỗ trợ để sinh viên Logistics có thể tham quan doanh nghiệp, thực tập, học

tập thực tế nghiệp vụ tại các cơ sở kinh doanh của các doanh nghiệp Logistics ở các địa phương trên cả nước. Mục đích của hoạt động này nhằm đưa sinh viên cọ sát với thực tế công việc, xác định rõ ràng vị trí công việc trong ngành để định hướng chuyên môn. Các doanh nghiệp Logistics cũng thông qua hoạt động này phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng những sinh viên đạt yêu cầu làm nguồn tuyển dụng. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ giúp doanh nghiệp giảm thời gian đào tạo bổ sung, giúp sinh viên thích ứng với văn hóa doanh nghiệp và giúp nhà trường tăng uy tín trong vấn đề đào tạo.

Sáu là, hợp tác trao đổi trong các hoạt động học thuật, có thể là hợp tác tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học, tọa đàm chia sẻ từ chính nhân sự của các doanh nghiệp, hợp tác viết bài báo công bố trong các xuất bản phẩm, cung cấp dữ liệu nghiên cứu khoa học và cung cấp kết quả nghiên cứu khoa học... Hoạt động trao đổi học thuật đóng góp lớn trong việc tiếp cận những xu hướng phát triển trong nghiên cứu khoa học và sự phù hợp của nó với hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp Logistics. Nhà trường sẽ tiếp cận được nhu cầu và xu thế phát triển của ngành Logistics trong thực tế, doanh nghiệp nắm bắt được các mô hình, sản phẩm, xu hướng nghiên cứu mới.

Cuối cùng, chính bản thân mỗi sinh viên cần phải có thái độ chủ động, tích cực học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm như giao tiếp, công nghệ thông tin, ngoại ngữ...

4. Kết luận

Đối với lĩnh vực Logistics, sự khởi tạo mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo nhân lực Logistics với các doanh nghiệp trong lĩnh vực này sẽ giúp sinh viên có cái nhìn

toàn diện hơn cả về lý thuyết lẫn thực hành trong chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Thực hiện được như vậy, việc đào tạo nguồn nhân lực Logistics mới phát triển đúng hướng, tiết kiệm thời gian, giúp học sinh - sinh viên sau khi tốt nghiệp, được tuyển dụng có thể làm việc ngay, không phải đào tạo bổ sung.

Muốn vậy, trường đại học và doanh nghiệp cần đánh giá đúng vai trò của các bên liên quan, phối hợp chặt chẽ hỗ trợ sinh viên thực tập, tham quan, theo dõi các công đoạn xử lý trong doanh nghiệp, cùng nhau xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo chia sẻ kiến thức, kỹ năng, nghiên cứu khoa học... Tiến trình và nội dung hợp tác sẽ dựa trên mục tiêu và thế mạnh của các đơn vị, nhưng mục tiêu của việc kết nối này phải đáp ứng được kỳ vọng của các bên cũng như sự phát triển chung của ngành.

Tuy vậy, do nhiều lý do khách quan, chủ quan khác nhau nên vẫn cần có những điều chỉnh và nghiên cứu triển khai nhất định, phù hợp và linh động với thực tế trong công tác đào tạo có sự phối hợp với các doanh nghiệp Logistics ở mỗi đơn vị trong từng giai đoạn cụ thể. Góp phần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Logistics Việt Nam trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Kim Chi & Hoàng Tú (2017). Ngành Logistic Việt Nam: Cần thêm 20.000 lao động chất lượng cao. Cổng thông tin Bộ Công Thương. Truy cập từ <<https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nganh-logistic-viet-nam-can-them-20-000-lao-%C4%91ng-chat-luong-cao-7258-402.html>>.
- [2] Trần Anh Tuấn (2019). Nhân lực ngành Logistics giai đoạn 2018 - 2025. Truy cập từ <<http://kthcm.edu.vn/tin-tuc-su-kien/nhan-luc-nganh-Logistics-giai-doan-2018-2025-429.html>>.
- [3] Donal F. Wood. Logistics Business. Truy cập từ <<https://www.britannica.com/topic/Logistics-business#ref528537>>.
- [4] Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2005). Luật Thương mại. Truy cập từ <https://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=18140>.
- [5] Xuân Nghi (2019). Sinh viên khởi nghiệp cùng Logistics. Báo VnEconomy. Truy cập từ <<http://vneconomy.vn/sinh-vien-khoi-nghiep-cung-Logistics-20190325092747537.htm>>.
- [6] Trần Xuân Cầu & Mai Quốc Chánh (2012). Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [7] Dương Anh Hoàng (2012). Phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thành phố Đà Nẵng. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Cổng thông tin Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Truy cập từ <<http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/dialy>>.
- [9] Bộ Công Thương (2018). Báo cáo Logistics Việt Nam 2018, Hà Nội.
- [10] Phạm Trung Hải (2019). Phát triển ngành dịch vụ Logistics tại Việt Nam. Tạp chí Tài chính. Truy cập từ <<http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/phan-trien-nganh-dich-vu-Logistics-tai-viet-nam-306129.html>>.
- [11] World Bank (2018). Truy cập từ <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/29971/LPI_2018.pdf>.
- [12] Thành Chung (2019). 70% doanh nghiệp Logistics tập trung ở TP. Hồ Chí Minh và vùng lân cận. Cổng thông tin điện tử Chính phủ TP. Hồ Chí Minh. Truy cập từ <<http://tphcm.chinhphu.vn/70-doanh-nghiep-Logistics-tap-trung-o-tphcm-va-vung-lan-can>>.
- [13] Hoàng Tỷ (2019). Vipilec 2019: Tiếp sức cho ngành Logistics Việt. Tạp chí Công Thương. Truy cập từ <<https://congthuong.vn/vipilec-2019-tiep-suc-cho-nganh-Logistics-viet-120936.html>>.
- [14] Vũ Đình Chuẩn (2019). Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ngành Logistics Việt Nam. Tạp chí Tài chính. Truy cập từ <<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/giai-phap-phat-tien>>.

trien-nguon-nhan-luc-nganh-Logistics-viet-nam-310729.html>.

- [15] Bùi Tư (2019). Ngành Logistics Việt Nam sẽ thiếu 2 triệu lao động vào năm 2030. Thời báo Tài chính Việt Nam. Truy cập từ

<<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2019-08-10/nganh-Logistics-viet-nam-se-thieu-2-trieu-lao-dong-vao-nam-2020-74971.aspx>>.

- [16] Website <http://www.australiaawardsvietnam.org>.

IMPROVING THE QUALITY OF LOGISTICS HUMAN RESOURCES THROUGH CONNECTING UNIVERSITY WITH THE LOGISTICS ENTERPRISES

Nguyen Minh Quang¹, Van Cong Vu²

¹*Ho Chi Minh National Academy of Politics, Hanoi*

²*University of Economics, The University of Danang, Da Nang*

Abstract

Currently, the issue of the training of high-quality human resources for Logistics is receiving special attention by universities and enterprises, especially in the context of international integration and as the impact of the Fourth industrial revolution. In order to provide the labor force to the Logistics labor market with adequate professional knowledge and practical experience, strengthening the linkage and cooperation between the universities and Logistics service enterprises is a very urgent issue. The article further discusses the current situation of Logistics human resources in Vietnam and affirms the importance of connecting between universities and Logistics enterprises in the field of human resources training. In conclusion, the author proposes a number of directional solutions in strengthening the connection between students and Logistics enterprises through the universities.

Keywords: *Enterprise, human resources, Logistics, student, university.*